TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày: 08-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đắc Toàn và ông Nguyễn Văn Sỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký của Toà án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai tham gia phiên tòa***: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2025/TLST-HS ngày 06.3.2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HS ngày 22.4.2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/HSST-QĐ ngày 06.5.2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/HSST-QĐ ngày 09.6.2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 08.7.2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn N,** sinh ngày 15.3.2000 tại tỉnh Khánh Hoà; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Khánh Hòa (Trước đây là Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa); CCCD số: 056200012101; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19.10.2016 bị UBND xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa phạt cảnh cáo về hành vi "Lôi kéo người khác đánh nhau"; Ngày 22/9/2017 bị Toà án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hoà xử phạt 01 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; Ngày 29/9/2017 bị Toà án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 18/3/2024 bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/7/2023 trong vụ án khác, hiện đang thi hành án tại Trại giam X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Anh T1,** sinh ngày 10.01.1994 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); Nơi cư trú: Thôn N, phường Q, tỉnh Gia Lai (Trước đây là thôn N, xã N, TP ., tỉnh Bình Định); CCCD số 052094003170 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về

trật tự xã hội cấp ngày 18.02.2023; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê H, sinh năm: 1962; Con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1963; Vợ: Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1994, có 02 người con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Dương Văn H1,** sinh ngày 15.02.1996 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); Nơi cư trú: Thôn H, phường Q, tỉnh Gia Lai (Trước đây là thôn H, xã N, TP ., tỉnh Bình Định); CCCD số 052096013149 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11.6.2023; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn N1, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1975; Vợ: (Đã ly hôn), có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Ngô Hoàng L1, sinh năm 1995 "Có mặt".

Nơi cư trú: Tổ G, khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai (Trước đây Tổ G, khu phố A, phường B, TP ., tỉnh Bình Định).

2. Anh Trương Công T4, sinh năm: 2005 "Có mặt".

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Gia Lai (Trước đây là xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trương Công Q, sinh năm: 1976 "Có mặt".

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Gia Lai (trước đây là xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai).

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1991 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai (trước đây là Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định).

3. Chị Huỳnh Thị Mỹ T5, sinh năm: 1992 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai (trước đây là Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định).

4. Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm: 2000 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai (trước đây là Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định).

5. Anh Nguyễn Thành L2, sinh năm: 1995 "Có mặt".

Nơi cư trú: Thôn N, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây là Thôn N, xã N, TX A, tỉnh Bình Định).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2023, do thiếu tiền tiêu xài, Lê Văn N nảy sinh ý định dùng đoản phá khóa, chiếm đoạt xe mô tô của người dân dựng ở khu vực C thuộc phường N, thành phố Q rồi bán lấy tiền. Với thủ đoạn này, trong tháng 6-7/2023, N đã chiếm đoạt được 07 xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius rồi đem cất giấu tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B - phần mở rộng (địa chỉ: C P, phường T, thành phố Q). Trong đó, xác định được Lê Văn N đã lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô vào ngày 09/7/2023, cụ thể như sau:

Vào chiều ngày 09/7/2023, N đã chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen, số khung: RLCUE3740NY135992, số máy: E32VE536053, có biển kiểm soát 81E1 - 200.93 của anh Trương Công T4 (Sinh năm: 2005; Trú: Thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai) dựng ở khu vực C thuộc khu phố A, phường N, thành phố Q. Sau đó đem xe mô tô vừa chiếm đoạt được về cất tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B – phần mở rộng. N tiếp tục quay lại khu vực bãi biển Q tiếp tục lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen - bạc, số khung: RLCUE3740NY173834, số máy: E32VE691746, có biển kiểm soát 77L2 - 421.04 của anh Ngô Hoàng L1 (Sinh năm: 1995; Trú: Tổ G, KP1, phường B, thành phố Q) dựng bên hông Khách sạn B, phường N, thành phố Q và đem xe mô tô này cất giấu tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B – phần mở rộng.

Sau khi chiếm đoạt được các xe mô tô, N dùng tài khoản Facebook tên "Năm Lụ Đ1" đăng bài rao bán các xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius cũ vào trang "Mua bán xe cũ Q". Chiều ngày 09/7/2023, Lê Anh T1 nhắn tin cho Lê Văn N hỏi mua xe và N hẹn đến trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh B – phần mở rộng để giao nhận xe. Lúc này, T1 nhờ Dương Văn H1 chở đến điểm hẹn. Tại đây, N chạy lần lượt 02 xe mô tô 81E1 - 200.93 và 77L2 - 421.04 (của anh Trương Công T4 và Ngô Hoàng L1) từ bãi gửi xe của Bệnh viện ra ngoài. Trong lúc giao dịch, T1 và H1 nhận thấy giá xe rẻ, không có giấy tờ xe và địa điểm cất giấu các xe mô tô tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B – phần mở rộng nên T1, H1 biết rõ 02 chiếc xe mô tô trên do N phạm tội trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn quyết định mua với giá 8.200.000 đồng (T1 chuyển vào số tài khoản trên 4.000.000 đồng và đưa tiền mặt 4.200.000 đồng). Sau đó, T1 và H1 chạy lần lượt từng chiếc xe về cất giữ tại nhà của T1. Về nhà T1 tráo 02 biển số 81E1 - 200.93 và 77L2 - 421.04 vào 02 xe vừa mua.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T1 và H1 bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius, màu đen có số khung: RLCUE3740NY135992, số máy: E32VE536053, gắn biển số 77L2 - 421.04 cho anh Nguyễn Văn Đ (sinh năm: 1991, trú V, P, T, Bình Định) tại khu vực vòng xoay Đ, phường N, thành phố Q. Khi giao dịch, Đ hỏi T1 vì sao xe không có cà vẹt thì T1 nói dối là đã làm mất. Đào tin tưởng và tiến hành mua xe với giá 5.800.000 đồng. Sau đó, H1 chở T1 về nhà. Còn xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen - bạc, số khung: RLCUE3740NY173834, số máy: E32VE691746 gắn biển số 81E1 - 200.93, T1 cũng bán cho một người khác (chưa rõ lai lịch) nên không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 158 ngày 13/9/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen bạc, biển kiểm soát 77L2 - 421.04, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 09/7/2023 trị giá 21.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen, biển kiểm soát 81E1 - 200.93, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 09/7/2023 trị giá 15.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an T6 đã tạm giữ từ chị Huỳnh Thị Mỹ T5 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, số khung RLCUE3740NY135992, số máy: E32VE536053, gắn biển số 77L2 - 421.04. Cơ quan CSĐT Công an T6 đã trả lại xe mô tô trên cho chủ sở hữu là ông Trương Công Q (Sinh năm: 1976; Trú: Thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai; Cha ruột của Trương Công T4); trả lại biển số 77L2 - 421.04 cho chủ sở hữu là ông Ngô Hoàng L1.

Về dân sự: Anh Ngô Hoàng L1 yêu cầu bồi thường 21.000.000 đồng. Anh Trương Công T4 không yêu cầu bồi thường gì. Lê Anh T1, Dương Văn H1 đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 5.800.000 đồng.

- Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSQN ngày 03/3/2025 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai) truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Anh T1, bị cáo Dương Văn H1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Lê Văn N, Lê Anh T1, Dương Văn H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

1. Đối với bị cáo Lê Văn N: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 29/2024/HS-PT ngày 18.3.2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

2. Đối với bị cáo Lê Anh T1: Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

3. Đối với bị cáo Dương Văn H1: Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lê Văn N bồi thường cho anh Ngô Hoàng L1 21.000.000 đồng.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước: Truy thu của bị cáo Lê Văn N 4.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Truy thu của bị cáo Lê Anh T1 6.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do thiếu tiền tiêu xài nên vào ngày 09/7/2023 bị cáo Lê Văn N đã lần lượt lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen bạc, biển số 77L2 - 421.04 của anh Ngô Hoàng L1 có trị giá 21.000.000 đồng và xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen, biển số 81E1 - 200.93 của anh Trương Công T4 có trị giá 15.000.000 đồng tại khu vực C biển thuộc khu phố A, phường N, TP . (nay là khu phố A, phường Q, tỉnh Gia Lai rồi cất giấu tại bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B – phần mở rộng rồi liên lạc với bị cáo Lê Anh T1 để bán các xe này cho bị cáo T1. Cùng ngày bị cáo N đã bán các xe này lại cho bị cáo Lê Anh T1, bị cáo T1 đã rủ và bị cáo Dương Văn H1 đi cùng để giúp bị cáo mua các xe này từ bị cáo N.

Bị cáo Lê Anh T1 dù không hứa hẹn trước và biết rõ xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen bạc, biển số 77L2 - 421.04 và xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen, biển số 81E1 - 200.93 có nguồn gốc do Lê Văn N phạm tội mà có nhưng vì hám lợi bất chính nên đã đồng ý mua để bán lại kiếm lời. Bị cáo Dương Văn H1 không trực tiếp mua xe mô tô từ bị cáo N nhưng biết rõ việc Lê Anh T1 mua xe mô tô do N phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho T1 thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Các bị cáo đều là những người có đầy đủ sức khỏe, đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là những hành vi vi phạm pháp luật, nhưng

do tham lam, tự lợi bản thân, có ý thức xem thường pháp luật và tài sản hợp pháp của người khác nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai) truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lê Anh T1, Dương Văn H1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Văn Nghĩa L3 hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo Lê Anh T1, Dương Văn H1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, tạo điều kiện để những tội phạm khác thực hiện, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng bị cáo N và các bị cáo T1, H1 phạm tội độc lập với nhau. Bị cáo T1 và bị cáo H1 là đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T1 là người có vai trò chính, rủ rê bị cáo H1 phạm tội nên hình phạt của bị cáo T1 phải cao hơn hình phạt của bị cáo H1.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

4.1. Bị cáo Lê Văn N có nhân thân xấu. Các bị cáo Lê Anh T1, Dương Văn H1 có nhân thân tốt.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lê Văn N thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Dương Văn H1, Lê Anh T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn N, Lê Anh T1, Dương Văn H1 đều khai báo thành khẩn, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; Các bị cáo T1, H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn Đ nhằm khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Do đó bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo H1, T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét xử phạt các bị cáo một mức án có lý có tình để các bị cáo an tâm cải tạo tốt.

Bị cáo Lê Văn N đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 29/2024/HS-PT ngày 18/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh

Bình Định nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

- Bị hại Trương Công T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, anh không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Anh Nguyễn Văn Đ đã mua xe mô tô Yamaha Sirius màu đen, biển số 81E1 - 200.93 (khi mua gắn biển số 77L2-421.04) từ bị cáo T1 với giá 5.800.000 đồng. Anh Đào đã được các bị cáo Lê Anh T1, Dương Công H3 hoàn trả lại số tiền 5.800.000 đồng, anh Đ không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

Bị cáo Lê Văn N trộm cắp xe mô tô bán thu lợi bất chính, trong đó đã bán xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen biển số 81E1 - 200.93 cho bị cáo T1 với giá 4.000.000 đồng, xe hiện đã thu hồi trả lại cho bị hại nên truy thu số tiền trên của bị cáo N để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Lê Anh T1 bán xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen biển số 77L2-421.04 cho một người không rõ lai lịch với giá 6.000.000 đồng, xe không thu hồi được nên truy thu số tiền trên của bị cáo T1 để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Vấn đề khác: Đối với những chiếc xe mô tô hiệu Y - Sirius Lê Văn N khai nhận đã chiếm đoạt của người dân dựng ở khu vực C thuộc phường N, thành phố Q (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) vào tháng 6-7/2023, sau đó có bán lại các xe này cho Lê Anh T1 nhưng Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương và có công văn phối hợp báo, đài tìm bị hại nhưng không có bị hại nào đến Cơ quan Công an trình báo, không xác định được đặc điểm, thông tin khác của tài sản để tiến hành trưng cầu định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Đình H2 đã có hành vi mua xe mô tô hiệu Yamaha - Sirius màu đen, số khung: RLCUE3740NY135992, số máy: E32VE536053, biển số 81E1 - 200.93 (khi mua gắn biển số 77L2 - 421.04) từ Lê Anh T1 nhưng khi bán xe cho Đ, T1 nói dối rằng thuộc sở hữu của T1 và đã làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Anh Đào, anh H2 tin lời T1 nói là thật nên đồng ý mua xe, không biết nguồn gốc xe do phạm tội mà có nên không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự (Áp dụng cho bị cáo Lê Văn N);

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Áp dụng cho bị cáo Lê Anh T1);

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Áp dụng cho bị cáo Dương Văn H1);

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T1, Dương Văn H1 phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 29/2024/HS-PT ngày 18/3/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/7/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Anh T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Dương Văn H1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ngô Hoàng L1 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng.

4. Về truy thu sung vào ngân sách Nhà nước: Truy thu của bị cáo Lê Văn N 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Anh T1 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn N, Lê Anh T1, Dương Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV 1- Gia Lai;
- CQ THADS tỉnh Gia Lai;
- CQ CSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Phân trại tạm giam KV Quy Nhơn;
- Trạm giam Xuân Phước;
- PC 10 CA tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Hồng Diễm